VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái

(Tiếp theo Công báo số 981 + 982)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

MÔN TIẾNG THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2020

2. Nội dung cụ thể

Trình độ A1. Năm học thứ 1

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay); giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Biết đánh vần và ghép vần. - Đọc được 6 âm khi sử dụng thanh điệu. - Biết đọc tiếng, từ khi ghép 1 phụ âm với 1 nguyên âm. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc đúng âm khó: aư - Phát âm đúng một số cặp phụ âm b - v; đ - l. - Biết đọc và ngắt nghỉ hơi theo dấu câu một đoạn văn bản có độ dài 30- 50 chữ. Tốc độ đọc khoảng 30 - 35 tiếng/1 phút. - Đọc thuộc một số đoạn văn và đoạn thơ ngắn khoảng 30 chữ. **2. Viết** - Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Ngữ âm và chữ viết** 1.1. Phụ âm: gồm 24 cặp phụ âm (48 phụ âm): ອ, ຊ; ຫ, ຈ; ບ, ຟ; ຫ, ຫ; ຫ, ຈ; ປ, ຟ; ຫ, ມ; ຫ, ມ; ຫ, ລ; ຕ, ນ; ຫ, ຫ; ຄ, ຊ; ຫ, ວ; ຫ, ຍ; ຫ, ຍ; ຕ, ຊ; ຫ, ຫ; ຫ, ຫ; ຫ, ຫ; ຫ, ຫ; ຫ, ຫ; ຫ, ຫ; ຫ, ຫ. (phân biệt được các âm vực thấp, âm vực cao) 1.2. Nguyên âm: - Gồm 10 Nguyên âm đơn: ອອ; ອ; ອາ; ອ; ອ, ອ; ອ; ອ; ອ; ອ; - Gồm 12 Nguyên âm kép (vần): ອຊ (ua); ອ (ưa); ຊ (ay); ອ (aư); ອ (au); ອ (ăm); ອ (ia); ອ (ăn); ອ (ăc); ອ (ăng); ອ (ăt); ອ (ăp); - Phân biệt được vị trí đứng của các nguyên âm trong một từ + Có 2 nguyên âm đứng sau nếu từ có 2 chữ cái, đứng giữa nếu từ có 3 chữ cái ອາ; ອຊ

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa). - Biết viết đúng các nét chữ cơ bản, dấu thanh và quy trình viết. - Viết đúng chữ cái, độ cao thấp, độ rộng của chữ; các nét cơ bản, biết viết các ký tự đặc biệt. - Biết đặt dấu thanh điệu (mai xiêng) và nguyên âm (may) đúng vị trí. - Viết đúng chính tả câu thơ, chuỗi câu, đoạn văn có độ dài khoảng 25- 30 chữ theo hình thức nhìn - viết (tập chép). Tốc độ viết khoảng 25- 30 chữ/15 phút. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. **3. Nói** - Biết nói rõ ràng, âm lượng phù hợp với người nghe (biết nhìn vào người nghe khi nói). - Phát âm đúng các các âm vần, từ tiếng, câu đúng theo chuẩn ngữ Thái (Ví dụ: âm au, âm cao có	+ Có 01 nguyên âm chỉ đứng giữa: ꪮꪮꪮ (lớp 2 mới học đến nguyên âm này). + Có 6 nguyên âm đứng trên phụ âm: ◌ꪶ; ◌ꪷ; ◌ꪸ; ◌ꪹ; ◌ꪺ; ◌ꪻ. + Có 7 nguyên âm đứng trước phụ âm: ◌ꪼ; ◌ꪽ, ◌ꪾ; ◌꪿; ◌ꫀ; ◌꫁; ◌ꫂ. + Có 01 nguyên âm nằm dưới phụ âm: ◌ꫣ. + Có 01 nguyên âm bao lấy phụ âm: ◌ꫝ. + Nguyên âm đứng sau phụ âm thành từ (tiếng): ꪮꪶ; ꪮꪷ; ꪮꪸ; ꪮꪹ; ꪮꪺ; + Nguyên âm kết hợp với phụ âm thành từ, (tiếng): ◌ꪶ; ◌ꪝ; ◌ꫀ; ◌ꫂ; ꪮꪶ; ꪮꪷ; ꪮꪸ; ꪮꪹ; ꪮꪺ. 1.3. Dấu thanh điệu: Có 2 dấu thanh đó là: ◌ꪳ; ◌ꪴ. 1.4. Các ký tự đặc biệt: ꪱ, ꪲ, ꪵ

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
thanh 1...) - Phát âm đúng các phụ âm tổ thấp, tổ cao. - Biết trả lời các câu hỏi đơn giản trong nội dung bài học. - Biết nói lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi. - Biết nói câu theo mẫu. **4. Nghe** - Biết chú ý lắng nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). - Nghe và phân biệt được các phụ âm tổ thấp, tổ cao. - Nghe và phân biệt được các nguyên âm đơn, nguyên âm kép - Nghe hiểu được các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng. - Nghe hiểu một bài thơ hoặc bài hát có trong bài học. - Nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi, lời yêu cầu, lời hướng dẫn đơn giản trong đối thoại. **5. Kiến thức Tiếng Thái**	1.5. Ghép 1 phụ âm với 1 nguyên âm và dấu thanh để tạo thành từ, tiếng. **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Học sinh được học khoảng 50- 70 từ vựng. bao gồm từ khóa, từ ứng dụng và câu ứng dụng. - Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất, đặc điểm. - Tên gọi các dấu câu và cách đặt dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm và dấu ba chấm,...) trong văn bản. - Biết sử dụng dấu thanh điệu đúng âm: Thanh 1 (mai xiêng 1 ◌́) đi với phụ âm là tổ thấp thì đọc như dấu sắc; đi với tổ cao đọc như dấu huyền, hay hạ giọng xuống. Thanh 2 (mai xiêng 2 ◌̌) đi với phụ âm tổ thấp đọc như dấu hỏi, đi với phụ âm tổ cao đọc gần giống dấu nặng. Dấu thanh luôn luôn đặt trên phụ âm chính. - Biết nghi thức chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi. **3. Hoạt động giao tiếp** - Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà trường và xã hội - Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà, ở trường và trong cuộc sống hằng ngày: Chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Hiểu được nghĩa các từ trong bài học. - Dịch được nghĩa các từ đã học từ Tiếng Thái sang tiếng Việt và ngược lại. - Nhận biết được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất. - Nhận biết ý chính của đoạn văn, đoạn thơ. **6. Kiến thức văn hóa** - Nhận biết các câu thành ngữ, tục ngữ, đồng dao trong bài học. - Nhận biết hình thức đoạn văn, đoạn thơ. - Bước đầu giáo dục học sinh biết yêu cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ Thái.	**II. KIẾN THỨC VĂN HÓA THÁI** Tục ngữ, thành ngữ, đồng dao, ca dao, các bài thơ và sáng tác mới có chứa các âm vần đã học. **III. NGỮ LIỆU** 1. Bảng chữ cái Tiếng Thái. Bảng vần. 2. Từ khóa, câu ứng dụng có chứa âm, vần, từ, tiếng có liên quan trong bài học. 3. Hình ảnh: trang phục và đồ dùng truyền thống,... của dân tộc Thái (kèm lời giải thích dưới tranh). 4. Bảng từ, từ điển.

Trình độ A1. Năm học thứ 2

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay); giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng,	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Ngữ âm và chữ viết** 1.1. Các vần với nguyên âm o, a, ua, ưa, e. ơ (ᴏᴅᴏ; ᴏɪ; ᴏɕ;

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc đúng từ, tiếng có chữ c đứng sau cùng: + Chữ c là âm thường thì đọc như dấu sắc nếu từ có phụ âm chính tổ thấp có thanh 1; Đọc như dấu nặng nếu từ có phụ âm chính là tổ cao có thanh 2. + Chữ c đứng sau có chức năng như âm tắc, thì đọc như dấu sắc nếu phụ âm chính là tổ thấp, đọc gần giống dấu nặng nếu phụ âm chính là tổ cao (không có dấu thanh). - Học sinh đọc đúng các từ có chữ b, d đứng sau cùng (ใต ป, ๐ แอ๐ ขาง) nếu phụ âm chính là tổ thấp thì đọc như dấu sắc, phụ âm chính là tổ cao thì đọc như dấu nặng. (ví dụ: ปาก - พาก; เขฎ - เจ๋ด; ตุ๊ป - เต็บ; ตุ๋ - นุ๋). - Đọc đúng 6 âm khi sử dụng thanh điệu. - Đánh vần và đọc được 44 vần. - Đọc tối thiểu 3- 5 văn bản có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 35 – 40 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ.	เอ; แอ; เอ็) ๐๑น; ๐๑ม; ๐๑ง; ๐๑ป; ๐๑บ; ๐๑๐; ๐๋๑ห; ๐๊๑ห; ๐๑ห; ๐าน; ๐าม; ๐าง; ๐าป; ๐าบ; ๐าเ; ๐าว; ๐วา; ๐๋าห; ๐๊าห; ๐าห; ๐วาน; ๐วาม; ๐วาง; ๐วาป; ๐วาเ; ๐วาห; ๐ร๋น; ๐รม; ๐รง; ๐รป; ๐รบ; ๐รเ; ๐๋รห; ๐๊รห; ๐รห; เอน; เอม; เอง; เอป; เอบ; เอเ; เอ็ห; เอ๊ห; เอห; แอน; แอม; แอง; แอบ; แอเ; แอว; แอวน; แอวป; แอวง; แอ๋ห; แอ๊ห; แอห; แอวห; เอ็น; เอ็ม; เอ็ง; เอ็ป; เอ็บ; เอ็เ; เอ๋ห; เอ๊ห; เอ็ห; 1.2. Đánh vần, đọc trơn các từ khóa, từ ứng dụng câu ứng dụng và bài khóa ngắn. 1.3. Dấu thanh điệu, vị trí đặt dấu thanh điệu và cách phát âm khi có dấu thanh điệu (Dấu thanh điệu luôn luôn đặt trên phụ âm chính). Ví dụ: แต่วป, ใต่ห, ห่วน, แต๊วง, ต่าง ....

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Đọc thuộc lòng 3- 5 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài khoảng 30 – 40 chữ. **2. Viết** - Viết đúng chữ Thái, độ cao thấp, độ rộng của chữ cái, biết viết ký tự đặc biệt. - Biết đặt nguyên âm (may) đúng vị trí (Trên, dưới, trước, sau). - Biết đặt dấu thanh điệu (mai xiêng) trên phụ âm chính. - Viết đúng quy tắc các chữ cái biến thể: b (ᨾ), đ (ᩅ), d (ᩆ), v (ᩇ), o (ᨿ, ᩀ). - Biết cách viết và sử dụng bán nguyên âm: V (ᩇ), J (ᩆ) - Biết sử dụng quan hệ từ khi viết câu, đoạn văn. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 - 40 chữ theo các hình thức nhìn - viết (tập chép), nghe - viết chính tả. Tốc độ viết khoảng 30- 35 chữ /15 phút. - Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời,	1.4. Vị trí đặt nguyên âm (Trên, dưới, trước, sau, và bao lấy phụ âm). 1.5. Một số chữ cái biến âm khi tạo vần: ví dụ Nguyên âm ưa (ᩅ) khi tạo vần với ng (ᩃ) thì biến thành âm ương (ᩅᩃ) hoặc nguyên âm ưa (ᩅ) khi tạo vần với m thì biến thành âm ươm (ᩅᩢ),.... Nguyên âm ua (ᩅᩬᩅ) nếu có âm cuối biến âm uô thành âm uân, uông: VD: ᩅᩬᩃ - uông, ᩮᩬᩮ (xuân); ᩆᩬᩃ (puông) .... 1.6. Các chữ cái biến thể: - Khi đứng sau cùng thì các phụ âm: b (ᨾ) biến thể thành P; đ (ᩅ) biến thể thành t; d (ᩆ) biến thể thành i; - Khi đứng giữa hoặc sau cùng: phụ v (ᩇ) biến thể thành nguyên âm o,u. - Những từ trong tiếng Việt không có phụ âm đầu thì chữ Thái

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Viết được 4- 5 câu giới thiệu về bản thân; một đồ vật quen thuộc hoặc sự việc dựa vào gợi ý. - Biết viết lời cảm ơn, lời xin lỗi. - Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật gần gũi theo gợi ý. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. **3. Nói** - Nói rõ ràng, thành câu, có thói quen nhìn vào người nghe khi nói. - Biết đặt câu hỏi đơn giản; trả lời các câu hỏi trong nội dung bài học. - Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe. - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh hoạ và lời gợi ý dưới tranh). Biết nhận xét về nhân vật, các chi tiết trong câu chuyện).	sử dụng nguyên âm ɵ giữ chức năng là phụ âm ɵ. Ví dụ: ɵɔɯ - on (chữ ɵ đứng đầu là phụ âm, ɵ đứng giữa là nguyên âm); ɵɪɯ - an (ɵ đứng đầu là phụ âm); ʊɔɯ - bon (ɵ là nguyên âm). **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Học sinh biết vị trí đặt nguyên âm trước, sau, trên, dưới đúng quy định. - Phân biệt giữa chữ c thường với chữ c thay cho âm tắc, bằng cách: chữ c đứng sau nếu có chức năng là âm c bình thường thì cho dấu thanh 1 vào từ có phụ âm chính là tổ thấp và đọc như dấu sắc; từ có phụ âm chính là tổ cao thì cho dấu thanh 2 và đọc gần giống như dấu nặng. Chữ c đứng sau có chức năng như âm tắc thì không cho dấu thanh, nếu phụ âm chính là tổ thấp đọc như dấu sắc, tổ cao đọc gần giống dấu nặng. - Học sinh hiểu được các từ có chữ b, d đứng sau cùng (ɔ ʊ,

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Giới thiệu được về gia đình, bạn bè, đoàn thể mình tham gia theo gợi ý. - Đặt được một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. **4. Nghe** - Có thói quen và thái độ chú ý lắng nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). - Nghe hiểu đúng các âm vần, từ tiếng. - Nghe hiểu từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi, lời yêu cầu, lời hướng dẫn, lời kể đơn giản trong đối thoại. - Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học. - Nghe hiểu nội dung đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn, bài văn ngắn. - Nghe hiểu về một câu chuyện có nội dung đơn giản do thầy (cô) kể. **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Đọc và hiểu nghĩa của các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến	๐ ณัฐอ พยัง sẽ không dùng dấu thanh điệu, nếu phụ âm chính là tổ thấp thì đọc như dấu sắc, phụ âm chính là tổ cao thì đọc như dấu nặng (ví dụ: ปาอ - ผาอ; เญอ - เจ-อ; ถึปุ - ถึ-ปุ; ทุ - นุ).. - Học sinh được học khoảng 70- 100 từ vựng, bao gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Biết đặt dấu thanh điệu trên phụ âm chính. - Nhận biết được từ đơn; từ ghép; từ đa âm. - Nhận biết được từ đơn: Khảu - ฆ้า, nặm - น้ำ; cẳm - ค้ำ; kin - หิน; - Từ ghép: Khảu nặm - ฆ้า น้ำ; cẳm kin - ค้ำ หิน, - Biết sử dụng quan hệ từ (nối các từ trong 1 câu) - Sử dụng dấu câu và cách đặt dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm và dấu ba chấm,...) trong văn bản. - Biết đặt câu có đủ thành phần chủ ngữ - vị ngữ. **3. Hoạt động giao tiếp** - Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp trong cuộc sống hằng

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
các chi tiết được thể hiện tường minh trong bài học. - Đọc và đánh vần đúng các chữ cái biến thể b (ɓ), đ (ɗ), v (ʋ), d (ɗ), o (ɵ), ……) - Phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp. - Nhận biết được từ đơn, từ ghép. - Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý. - Nhận biết được chủ đề văn bản ngắn. - Biết đọc thầm, bước đầu biết đọc diễn cảm các văn bản. - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao. **6. Kiến thức văn hóa** - Bước đầu biết cảm nhận chữ viết, tiếng nói của dân tộc Thái, ngữ pháp theo văn hóa dân tộc Thái, nhân vật, chi tiết chính trong văn bản. - Bước đầu biết nhận xét và thể hiện quan điểm yêu, ghét đối với nhân vật. - Giáo dục học sinh biết yêu cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ Thái.	ngày ở nhà trường và xã hội. - Một số nghi thức giao tiếp thông dụng trong cuộc sống hàng ngày ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép… - Đoạn văn ngắn miêu tả cảnh thiên nhiên, đồ vật gần gũi… **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** 1. Cách ứng xử hằng ngày thông qua một số nghi thức giao tiếp... 2. Nhân vật trong truyện 3. Chủ đề (viết, kể về điều gì). 4. Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật. 5. Tình cảm, thái độ của mình qua các nhân vật. **III. NGỮ LIỆU** 1. Bảng chữ cái Tiếng Thái. Bảng vần. 2. Văn bản văn hóa, văn học. - Đồng dao, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, lời răn dạy, câu đố, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả. - Đoạn thơ, bài thơ. 3. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ A1. Năm học thứ 3

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Đọc và đánh vần đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc và đánh vần đúng các từ có phụ âm ghép. - Đọc hiểu từ ứng dụng, câu ứng dụng, bài tập đọc trong bài học. - Đọc đúng từ, tiếng có chữ c đứng sau cùng, có chức năng như âm tắc và có chức năng như âm thường. - Đọc và đánh vần đúng các chữ cái biến thể b (ป), đ (ด), v (ว), d (ป), o (อ, อ̃) - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40- 45 tiếng/1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. - Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. - Đọc tối thiểu 5- 7 văn bản có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Ngữ âm và chữ viết** 1.1. Các vần với nguyên âm ê, ô, ia, i, ư, u (เอ̃; เอ; อ̃; ô; อ̃; ọ): เอ̃น; เอ̃ม; เอ̃ด; เอ̃ว; เอ̃ป; เอ̃ด; เอ̃วน; เอ̃วป; เอ̃ท; เอ̃ห; เอ̃ท; เอ̃วท; เอน; เอม; เอด; เอป; เอป; เอด; เอ่ท; เอ้ท; เอท; อน̃; อม̃; อด̃; อป̃; อว̃; อด̃; อว̃น; อว̃ด; อ่ท̃; อ้ท̃; อท̃; อน̂; อม̂; อด̂; อว̂; อป̂; อด̂; อว̂ด; อว̂ป; อว̂ด; อว̂น; อ่ท̂; อ้ท̂; อท̂; อว̂ท; อน̃; อม̃; อด̃; อป̃; อป̃; อด̃; อ่ท̃; อ้ท̃; อท̃; อนุ; อมุ; อดุ; อปุ; อปุ; อดุ; อ่ทุ; อ้ทุ; อทุ 1.2. Quy tắc ghép phụ âm: phụ âm tổ thấp ghép với tổ thấp,

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Thuộc lòng 5- 7 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài khoảng 40- 50 chữ. - Biết đọc thầm bài thơ, bài văn ngắn; bước đầu biết đọc diễn cảm các văn bản. **2. Viết** - Viết đúng chữ Thái, độ cao thấp, độ rộng của chữ cái, biết viết ký tự đặc biệt. - Viết rõ ràng, đều nét, đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn. - Viết đúng quy trình ghép các phụ âm đôi, ghép 3 phụ âm, ghép phụ âm với nguyên âm, nguyên âm với phụ âm. - Viết được đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 40 – 50 chữ theo các hình thức nhìn viết (tập chép), nghe - viết chính tả. Tốc độ viết khoảng 35- 40 chữ/15 phút. - Biết viết câu đúng ngữ pháp, liên kết các câu thành đoạn, bài. - Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc	tổ cao ghép với tổ cao: xɯ, ʃɳ, ɔɔ, ŋɔŋ, ɑɬɔ… - Phụ âm ghép đôi: *xɳɯ ɬxɳɒ - xlák xlông* (dịp hiếm hoi), *xɳɿ - xlai* (thèm muốn), ɯɔıo - *plạt* (trượt), ɯ̌ɯ̌ ɯ́ʊɒ̌ -*bdự bdăng* (nhếch nhác),... - Ghép ba phụ âm: ɑɳɯɳ - khlmúk (thấp lè tè), mốn ɬɑɳɯn- khlțộk (mốc thếch),... - Ghép phụ âm + nguyên âm: ɯɔɯ ɤɔɪ - s-au (rau thơm), ɤ́ɔ́ɲ - x-óc (nấc).... - Ghép nguyên âm + phụ âm: ŋɔ̌n ŋɔ - ôlộc ôlỗ (nhớp nhúp), ɪɳɒ ɯŋɯ - lương emẹp (vàng vọt,...) 1.3. Đánh vần, đọc trơn các từ khóa, từ ứng dụng câu ứng dụng và bài khóa ngắn. 1.4. Dấu thanh điệu, vị trí đặt dấu thanh điệu và cách phát âm khi có dấu thanh điệu (Dấu thanh điệu luôn luôn đặt trên phụ âm chính). Ví dụ: ɯ́ɔɔ́ʊ, ɬɔ̀ɲ, ɲ̃, ɲ́ɔɯ, ɯɑ̌ɔɓ, ɔ́ıɓ.... 1.5. Vị trí đặt nguyên âm (Trên, dưới, trước, sau, và bao lấy

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
hoặc đã nghe. - Viết được 2- 4 câu ứng dụng cho mỗi loại vần dựa vào gợi ý. - Viết được đoạn văn ngắn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm. - Viết được đoạn văn ngắn tả cảnh, miêu tả các hoạt động, đồ vật… - Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. **3. Nói** - Biết nói lời phù hợp với mục đích giao tiếp, quy tắc giao tiếp của người Thái. - Biết lựa chọn từ ngữ đúng trong khi nói. - Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh hoạ và lời gợi ý dưới tranh). Biết nhận xét về nhân vật, các chi tiết trong câu	phụ âm): - Từ có 2 chữ cái thì nguyên âm ở trên và ở dưới, được đặt đúng vịt trí trên dưới phụ âm. Ví dụ: ปิ, ปุ, ปั. ปึ, ปูเ, ปู, ปูา ... - Từ có 3 chữ cái thì nguyên âm trên/dưới sẽ đặt trên/dưới phụ âm cuối. Ví dụ: ปิ๊, ปุ๊, ปู่น, ปึ๋ย ... - Từ có 4 chữ cái thì nguyên âm trên/dưới sẽ đặt trên/dưới phụ âm thứ 2. Ví dụ: ตวัน, หวัง, ห่วย ... **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Học sinh được học khoảng 100-120 từ vựng, bao gồm từ khóa và từ ứng dụng.. - Nhận biết được các từ láy: + Láy bộ phận + Láy vần: เก๋ เก๋ + Láy âm: แก๋ แต่ แจ่ว - แก๋ แตจ่ว + Láy toàn phần + Láy 3: เก๋ เก๋, จ๋ จ๋

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
chuyện). - Nói ngắn gọn về nội dung một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích). **4. Nghe** - Nghe rõ và xác định được các vần mới học. - Nghe hiểu từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Nghe hiểu một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi; tưởng tượng và diễn tả lại được dáng vẻ và hành động, lời nói của nhân vật. - Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp. - Nghe và hiểu được các từ có phụ âm ghép, cách đánh vần các phụ âm ghép. **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Đọc và hiểu nghĩa của các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. - Xác định được từ láy; quan hệ từ có trong văn bản.	+ Láy 4: ꪎꪱꪀ ꪎꪱꪀ ꪉꪶ ꪉꪶ - Từ loại: nhận biết được các từ loại + Danh từ: ꪜꪱꪒ ꪁꪳꪉ, ꪁꪊ ꪎꪱꪊ, ꪉꪶ ꪇꪶ, ꪉꪳ ꪙꪙꪒ... + Động từ: ꪉꪳ ꪎꪜꪖ ꪁꪜꪊ, ꪀꪵ ꪁꪱꪶ, ꪜꪜꪊ ꪁꪱꪉ ... + Tính từ: ꪉꪱꪒ ꪉꪶꪒ, ꪁꪖꪖ ꪜ-ꪇꪖ, ꪎꪱꪒ ꪜꪜꪒ ... - Đặt câu có đủ thành phần chủ ngữ; vị ngữ - Biết sử dụng các dấu câu và cách đặt dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm và dấu ba chấm,…) trong văn bản. **3. Hoạt động giao tiếp** - Hội thoại: lắng nghe, đối thoại – đóng vai. - Viết đoạn văn miêu tả đồ vật. - Viết đoạn văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm. - Viết đoạn văn ngắn nêu cảm xúc, tình cảm của bản thân. - Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA**

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ. - Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý. - Nhận biết được chủ đề văn bản ngắn. - Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản **6. Kiến thức văn hóa** - Bước đầu cảm nhận ngôn ngữ chữ viết của dân tộc Thái, cách giao tiếp đúng với văn hóa của dân tộc Thái. Cảm nhận được nhân vật và các chi tiết chính trong văn bản. - Biết nhận xét và thể hiện quan điểm yêu, ghét đối với nhân vật. - Giáo dục học sinh biết yêu cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ Thái.	1. Bài học rút ra từ văn bản. 2. Nhân vật trong truyện. 3. Cảm xúc, suy nghĩ, ứng xử của bản thân.. **III. NGỮ LIỆU** 1. Bảng chữ cái Tiếng Thái, bảng vần. 2. Văn bản văn hóa, văn học. - Đồng dao, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, lời răn dạy, câu đố, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả. - Đoạn thơ, bài thơ. - Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 – 100 chữ, thơ khoảng 50 – 70 chữ. 3. Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi với học sinh, độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ. 4. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với học sinh. 5. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ A1. Năm học thứ 4

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Đánh vần và đọc đúng và trôi chảy các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 40 - 50 tiếng/1 phút. - Đọc đúng âm khi có dấu thanh điệu và không thanh điệu. - Đọc chuẩn các âm b - v, l - đ; âm tắc, âm thường, các âm đặc biệt (au-ʉ) - Đọc thầm với tốc độ nhanh. **2. Viết** - Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học. - Tập viết, nhìn chép, nghe chép các bài tập đọc ngắn. - Viết được một số câu đơn giản với những từ gợi ý. - Bước đầu biết hình thành ý chính cho đoạn viết. - Viết được đoạn văn theo đúng yêu cầu; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau. - Viết được đoạn văn ngắn về tả người, tả phong cảnh. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định **3. Nói** - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm** - Bản thân: giới thiệu về bản thân, giữ gìn sức khỏe, biết các bộ phận trên cơ thể, giữ gìn vệ sinh thân thể; các đại từ nhân xưng,... - Gia đình: ông bà, bố mẹ, anh chị em, cô dì chú bác,.... (tình cảm, giao tiếp) - Học tập: đồ dùng học tập, các hoạt động liên quan đến học tập, học đếm bằng Tiếng Thái, làm quen với các từ chỉ thời gian …. - Bản làng: nơi ở, chỉ đường về nhà, cảnh đẹp bản làng, bạn bè hàng xóm, vệ sinh bản làng... **2.Từ ngữ, ngữ pháp** - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm: Bản thân; gia đình; học tập, bản làng... - Nghĩa của một số câu tục ngữ, thành ngữ dễ

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
(dựa vào các tranh minh hoạ và lời gợi ý dưới tranh). - Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích). - Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản, về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý. - Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề; chú ý lắng nghe người khác đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói. - Phát âm chính xác các từ, cụm từ đã học. - Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài, có thái độ tự tin. Biết điều chỉnh lời nói cho phù hợp với người nghe. - Biết cách đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi về bản thân (tên, tuổi, các bộ phận trên cơ thể, sở thích cá nhân...) **4. Nghe** - Nghe và hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết của các văn bản. - Nghe và hiểu nội dung cuộc đối thoại ngắn. - Nghe - viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn. - Nghe hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng, nội dung chính khi người khác trình bày. - Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. - Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề, chú ý lắng nghe người khác, đóng góp	hiểu, thông dụng. - Nghĩa của một số từ mượn, từ đồng âm khác nghĩa. - Từ đồng nghĩa. - Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản. - Xác định các đại từ chỉ ngôi trong Tiếng Thái - Cách sử dụng một số từ chỉ vị trí - Phân biệt được các loại câu: câu kể; câu hỏi; câu cầu khiến,... **3. Hoạt động giao tiếp** - Viết đoạn văn kể lại một sự việc đã được chứng kiến. -.Viết đoạn văn kể lại một câu chuyện đã nghe, đã đọc kèm tranh ảnh minh họa (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). - Viết thư thăm hỏi người thân, bạn bè - Nêu ý kiến cá nhân về một câu chuyện, một nhân vật.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Biết được nghĩa của các từ theo chủ điểm (Bản thân; gia đình; học tập, bản làng). - Biết cách sử dụng đại từ nhân xưng, đại từ chỉ ngôi và một số từ chỉ vị trí trong Tiếng Thái. - Bước đầu đọc và hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Bước đầu rút ra được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp thơ, ca dao, đồng dao, lời răn dạy. - Bước đầu nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Bước đầu biết thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 5 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, tục ngữ, lời răn dạy... yêu thích trong chương trình. **6. Kiến thức văn hóa** - Biết yêu quý bản thân, ông bà, cha mẹ và những người xung quanh.	**II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với con người, quê hương, đất nước 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Cách cảm nhận cuộc sống, con người của cá nhân.. **III. NGỮ LIỆU** 1. Văn bản về chủ đề: bản thân; gia đình; học tập, bản làng. - Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyện truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả,... - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100 – 150 chữ, văn bản thơ khoảng 30 –

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Biết yêu trường, lớp, quê hương, thôn xóm. - Biết vệ sinh trường lớp, thôn xóm sạch đẹp. - Giáo dục học sinh yêu quý quê hương, đất nước.	50 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ A1. Năm học thứ 5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Đọc đúng và trôi chảy các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 40 - 50 tiếng/1 phút. - Đọc đúng âm b-v; l-đ, âm tắc và âm au ʔ,... - Đọc thầm với tốc độ nhanh. **2. Viết** - Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học. - Viết được một số câu đơn giản theo các từ gợi ý. - Viết chính tả: nhìn chép, nghe viết chính tả. - Bước đầu biết hình thành ý chính cho đoạn viết. - Viết được đoạn văn theo đúng yêu cầu; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau. - Viết được đoạn văn ngắn về tả người, tả phong cảnh. - Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc, một	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm** - Bản thân: công việc hằng ngày; sự phấn đấu của bản thân,… - Gia đình: kính trọng và biết ơn ông bà, cha mẹ; tình cảm anh em; họ hàng,… - Bản mường: giới thiệu bản làng người Thái; tình cảm quê hương, xóm giềng; đổi mới quê hương; đoàn kết; cuộc sống sinh hoạt hằng ngày... - Nhà trường: giới thiệu nhà trường, cô giáo, học sinh, khuyên nhau học

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
bài thơ hoặc một câu chuyện. - Viết được đoạn văn ngắn nêu lý do của mình (đồng ý hay phản đối) về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống theo gợi ý. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định **3. Nói** - Phát âm chính xác các từ, cụm từ đã học. - Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài, có thái độ tự tin. Biết điều chỉnh lời nói cho phù hợp với người nghe. - Biết cách đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi về bản thân (tên, tuổi, sở thích cá nhân…). - Bước đầu nói được các vấn đề liên quan đến chủ đề đã học. - Kể lại được một số hoạt động được chứng kiến hoặc tham gia. **4. Nghe** - Nghe và hiểu nội dung cuộc đối thoại ngắn. - Nghe - viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn. - Nghe và hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết theo nghĩa tường minh các văn bản. - Nghe hiểu hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng, nội dung chính khi người khác trình bày. - Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu.	tập, gương người Thái học tập tốt, số đếm ... **2.Từ ngữ, ngữ pháp** - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm: bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường... - Nghĩa của một số câu tục ngữ, thành ngữ dễ hiểu, thông dụng. - Nghĩa của một số từ mượn, từ đồng âm khác nghĩa, từ đồng nghĩa,từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản về các chủ đề, chủ điểm. - Biết sử dụng đại từ nhân xưng trong Tiếng Thái. - Cách sử dụng một số từ chỉ vị trí **3. Hoạt động giao tiếp** - Viết đoạn văn tả người, tả phong cảnh. - Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc, một bài

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề, chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Biết được nghĩa của các từ theo chủ điểm (Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường). - Biết cách sử dụng một số từ chỉ vị trí. - Bước đầu đọc và hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Bước đầu rút ra được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Bước đầu nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp thơ, ca dao, đồng dao, lời răn dạy. - Bước đầu nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Bước đầu biết rút ra bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân qua nội dung văn bản. - Bước đầu biết thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 8 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	thơ hay một câu chuyện. - Viết đoạn văn nêu ý kiến của mình về một hiện tượng xã hội theo chủ đề. **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với con người, quê hương, đất nước,… 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Cách cảm nhận cuộc sống, con người của cá nhân.. **III. NGỮ LIỆU** 1. Văn bản về chủ đề: bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường. - Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyện truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả,...

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, tục ngữ, lời răn dạy,... yêu thích trong chương trình. **6. Kiến thức văn hóa** - Biết yêu quý bản thân, ông bà, cha mẹ và những người xung quanh. - Biết yêu trường, lớp, quê hương, thôn xóm. - Biết vệ sinh trường lớp, thôn xóm sạch đẹp. - Giáo dục học sinh yêu quý quê hương, đất nước.	- Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100 – 150 chữ, văn bản thơ khoảng 30 – 50 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ A2. Năm học thứ 6

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Đọc đúng và trôi chảy các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 40 - 50 tiếng trong 1 phút. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn A1. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 8 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, tục ngữ, lời răn dạy,... yêu thích trong chương trình. **2. Viết**	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm** 1. Bản thân: mối quan hệ và tình cảm của bản thân với bạn bè, xã hội, gia đình và họ hàng,... 2. Gia đình: giới thiệu về gia đình, nơi ở, chỉ đường về nhà, công việc của các thành viên trong gia đình, miêu tả các thành viên và cuộc sống gia đình,... 3. Bản mường: miêu tả cảnh đẹp bản làng

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học. - Viết được một số câu đơn giản về những chủ đề đã học. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định - Bước đầu biết viết câu có đủ thành phần ngữ pháp. - Bước đầu biết hình thành ý chính cho đoạn viết. - Viết được bài văn ngắn kể lại một trải nghiệm của bản thân và thể hiện cảm xúc cá nhân trước sự việc được kể. - Biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ hay một câu chuyện hay, gần gũi với cuộc sống hằng ngày. - Bước đầu biết viết bài văn ngắn trình bày ý kiến của mình về một hiện tượng trong học tập và đời sống mà mình quan tâm. Bước đầu trình bày được suy nghĩ của mình, đưa ra lý lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến đã nêu. **3. Nói** - Phát âm chính xác các từ, cụm từ đã học. - Biết cách đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi về bản thân (tên, tuổi, sở thích cá nhân…) - Bước đầu nói được các vấn đề liên quan đến chủ đề đã học. - Kể lại được một số hoạt động được chứng kiến hoặc tham gia. **4. Nghe**	người Thái; mối quan hệ, tình cảm của người Thái trong bản, mường; tình đoàn kết; cuộc sống sinh hoạt hằng ngày,... 4. Nhà trường: việc đi học ở bản và vận động học sinh đi học, ơn thầy cô giáo, học sinh gương mẫu, khuyên nhau học tập,... **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Cách sử dụng một số từ chỉ vị trí. - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm: Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường. - Nghĩa của một số câu tục ngữ, thành ngữ dễ hiểu, thông dụng. - Nghĩa của một số từ mượn của dân tộc khác thuộc các chủ điểm. - Từ đồng âm khác nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản thuộc các chủ điểm. - Nhận biết được đại từ, danh từ, động từ … trong Tiếng Thái. - Đại từ nhân xưng trong Tiếng Thái.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Nghe và hiểu nội dung cuộc đối thoại ngắn. - Nghe và hiểu nội dung theo nghĩa tường minh đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn, bài văn theo các chủ đề. - Nghe hiểu và nhớ được nội dung chính khi người khác trình bày **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Biết được nghĩa của các từ theo chủ điểm (Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường). - Biết cách sử dụng một số từ chỉ vị trí - Bước đầu đọc và hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Nhận biết được đại từ, danh từ, động từ … trong Tiếng Thái. - Nhận biết từ đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa và từ vay mượn. - Đọc hiểu các câu ngắn, đơn giản. - Bước đầu rút ra được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Bước đầu nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp thơ, ca dao, đồng dao, lời răn dạy. - Bước đầu nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.	**3. Hoạt động giao tiếp** - Viết đoạn văn ngắn kể lại một trải nghiệm của bản thân. - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ hay một câu chuyện hay, gần gũi với cuộc sống hằng ngày. - Viết đoạn văn nêu ý kiến của mình về một hiện tượng trong học tập và đời sống theo chủ đề. **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với gia đình, nhà trường và xã hội. 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **III. NGỮ LIỆU** 1.Văn bản về chủ đề: Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Bước đầu nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. **6. Kiến thức văn hóa** - Biết thực hiện một số nghi thức chào hỏi và giao tiếp theo phong tục dân tộc Thái. - Học được những điều hay, điều tốt thông qua các nhân vật. - Yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái.	- Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100 – 150 chữ, văn bản thơ khoảng 30-50 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ A2. Năm học thứ 7

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. - Tốc độ đọc khoảng 60 - 70 tiếng trong 1 phút. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 16 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ, câu nói có vần… trong chương trình. **2. Viết** - Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học.	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm** - Gia đình: giới thiệu về gia đình; mối quan hệ dòng tộc; công lao bố mẹ; đồ dùng trong gia đình,... - Văn hóa xã hội: trang phục; ẩm thực; nhạc cụ dân tộc; dân ca; dân vũ,…

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Viết được bài văn ngắn kể lại sự việc có thật liên quan đến bản thân theo chủ đề. - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong bài thơ theo chủ đề đã học. - Bước đầu biết viết một đoạn văn nghị luận về vấn đề trong đời sống. - Bước đầu biết viết bản thuyết minh về luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.. - Trình bày bài viết sạch sẽ, rõ ràng, đầy đủ, đúng quy định. **3. Nói** - Phát âm chính xác các từ, cụm từ đã học. - Trao đổi được với người khác về cảm xúc yêu, ghét của bản thân về những nhân vật được thể hiện trong các văn bản. - Trình bày được các vấn đề liên quan đến chủ đề đã học. - Kể tên một số làn điệu dân ca, điệu xòe, biết hát các bài hát đồng dao dân tộc Thái, biết múa xòe,... - Kể tên được một số nhạc cụ dân tộc Thái và công dụng của chúng. - Kể tên và nêu được cách chơi một số trò chơi dân gian của dân tộc Thái. - Kể lại được một số hoạt động được chứng kiến hoặc tham gia. **4. Nghe** - Hiểu được câu hỏi và các thông tin gắn với chủ đề đã học. - Nghe hiểu nội dung chính khi người khác trình bày. - Nghe hiểu các bài hát đồng dao.	- Bản mường: giới thiệu bản làng người Thái; tình cảm quê hương, đổi mới quê hương; đoàn kết; cuộc sống sinh hoạt hằng ngày,... - Trò chơi dân gian: các trò chơi ném còn, đánh đu, kéo co (lạk bai), luồn luồn chổng dế (num num tàu tàu), tó mak lẹ,... **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học. - Câu đơn và câu ghép. - Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết. **3. Hoạt động giao tiếp** - Viết bài văn ngắn kể lại sự việc có thật liên quan đến bản thân theo chủ đề. - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
5. Kiến thức Tiếng Thái - Hiểu được nghĩa của từ theo các chủ điểm (Gia đình; văn hóa xã hội; bản mường; trò chơi dân gian). - Hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Hiểu được những bảng hướng dẫn ngắn, đơn giản đặc biệt là khi có sự hỗ trợ của hình họa. - Hiểu được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Nhận biết được chủ đề của văn bản. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần. - Nhận biết và cảm nhận được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Nhận biết đúng câu đơn, câu ghép trong đoạn thơ, đoạn văn, bài văn. - Biết nhận xét nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và biện pháp tu từ. - Biết rút ra bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân qua nội dung văn bản. - Biết thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả.	khi đọc xong bài thơ theo chủ đề đã học. - Viết đoạn văn nghị luận về vấn đề trong đời sống. - Viết bản thuyết minh về luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với gia đình, nhà trường và xã hội. 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Bảo tồn và lưu giữ các trò chơi dân gian của dân tộc Thái. 4. Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **III. NGỮ LIỆU** 1.Văn bản về chủ đề: gia đình; văn

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Bước đầu nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm. - Liên hệ các hoạt động phong trào của trường nhằm bảo tồn các trò chơi dân gian dân tộc Thái. - Cảm nghĩ của bản thân về các trò chơi dân gian mà mình yêu thích. **6. Kiến thức văn hóa** - Thực hiện được một số nghi thức chào hỏi và giao tiếp theo phong tục dân tộc Thái. - Học được những điều hay, điều tốt thông qua các nhân vật; bảo tồn và lưu giữ các trò chơi dân gian; trang phục; ẩm thực; nhạc cụ dân tộc, dân ca, dân vũ…của dân tộc Thái. - Biết thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái,...	hóa xã hội; bản mường; trò chơi dân gian,... - Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả,... - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố,... - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 150-200 chữ, văn bản thơ khoảng 50-80 chữ. 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ A2. Năm học thứ 8

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ**

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 24 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. **2. Viết** - Biết viết đúng tên người địa phương; biết đặt dấu câu đúng cú pháp. - Viết được bài văn ngắn kể lại sự việc; một chuyến đi hay một hoạt động xã hội để lại cho bản thân nhiều tình cảm tốt đẹp. - Viết được đoạn văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết. - Viết được bản thuyết minh về việc tuyên truyền giữ gìn vệ sinh; chăm sóc sức khỏe; phòng bệnh, chữa bệnh. **3. Nói** - Trao đổi được với người khác về cảm xúc yêu, ghét của bản thân về những nhân vật được thể hiện trong các văn bản. - Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. - Kể lại được một số hoạt động được chứng kiến hoặc tham gia.	**điểm** - Gia đình, dòng tộc: quan hệ và tình cảm gia đình, họ hàng, làng xóm; công việc gia đình, làm kinh tế gia đình, gia đình với chính sách sinh đẻ có kế hoạch, luật Hôn nhân và gia đình,… - Văn hóa xã hội: lễ hội và một số phong tục tập quán tốt đẹp của người Thái (sinh hoạt văn hóa văn nghệ (múa hát, các làn điệu dân ca,...), bảo tồn và phát triển di sản văn hóa Thái; bài trừ mê tín dị đoan,... - Bản làng, quê hương: các dân tộc anh em, đoàn kết dân tộc, mối quan hệ xóm bản; các quy ước, hương ước của bản làng; những thay đổi của bản làng hiện nay; gia đình văn hóa, xây dựng nếp sống văn hóa mới, bản làng văn hóa ở vùng người Thái,... - Chăm sóc sức khỏe: rèn luyện thân thể,

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Trình bày được ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp. **4. Nghe** - Nghe hiểu nội dung chính khi người khác trình bày. - Biết vừa nghe vừa tóm tắt được những nội dung thuyết trình của người khác. **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Hiểu được nghĩa của từ theo các chủ điểm (Gia đình, dòng tộc; bản làng, quê hương; thiên nhiên). - Hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Hiểu được những bảng hướng dẫn ngắn, đơn giản đặc biệt là khi có sự hỗ trợ của hình họa. - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận biết được chủ đề và thông điệp mà văn bản muốn gửi gắm đến người đọc; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Hiểu được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã	phòng bệnh, chữa bệnh, vệ sinh ăn uống, vệ sinh cá nhân, nhà ở, bản mường,... **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học. - Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết. **3. Hoạt động giao tiếp** - Viết bài văn ngắn kể lại sự việc, một chuyến đi hay một hoạt động xã hội,... - Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Viết bản thuyết minh về việc tuyên truyền giữ gìn vệ sinh; chăm sóc sức khỏe; phòng bệnh, chữa bệnh,… **4. Viết đoạn văn ngắn theo chủ đề đã học.** **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA**

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
học. - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nhận biết được cốt truyện và một số biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản. - Nhận biết và cảm nhận được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và biện pháp tu từ. - Biết rút ra bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân qua nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm. - Cảm nghĩ của bản thân về quê hương, gia đình, dòng tộc,... **6. Kiến thức văn hóa** - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái; có cách ứng xử đúng trong	1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với gia đình và xã hội,... 2. Bảo tồn và giữ gìn một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của người Thái. 3.Bài trừ một số hủ tục lạc hậu, không lành mạnh. **III. NGỮ LIỆU** 1.Văn bản về chủ đề: Gia đình, dòng tộc; văn hóa xã hội; bản làng, quê hương; thiên nhiên. - Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyện truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả,... - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố,... - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
cuộc sống; biết được những điều hay, lẽ phải; thể hiện được tình cảm của bản thân đối với gia đình và xã hội. - Bảo tồn và giữ gìn được một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của Người Thái; bài trừ một số hủ tục lạc hậu không lành mạnh. - Hiểu biết được giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái.	200-250 chữ, văn bản thơ khoảng 80-100 chữ. 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ A2. Năm học thứ 9

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; tường thuật; tường minh,... nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 30 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. **2. Viết** - Viết được đoạn văn, bài văn đảm bảo theo đúng yêu cầu; các câu, đoạn có	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm** - Người Thái ơn Đảng, Bác Hồ: những mẩu chuyện về Bác; gương đảng viên ưu tú người Thái; tình cảm của người Thái với Đảng, Bác Hồ; cuộc sống của người Thái từ khi có Đảng,... - Chăm sóc sức khỏe: Các cây thuốc của dân tộc Thái, những tập quán có hại cho sức khỏe;

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
mối liên kết với nhau; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. - Biết cách trích dẫn văn bản của người khác. - Viết được những đoạn văn ngắn về nội dung liên quan chủ đề đã học. - Bước đầu biết viết một truyện kể sáng tạo. - Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử ở địa phương, có sử dụng hình ảnh minh họa. **3. Nói** - Kể lại được rõ ràng, mạch lạc một câu chuyện được chứng kiến hoặc tham gia. - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự - Bước đầu biết thuyết minh về cách chăm sóc sức khỏe; cách phòng ngừa tai nạn trong trường học. **4. Nghe** Bước đầu nghe và nhận xét được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những lập luận thiếu logic không liên quan. **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Nêu được nội dung khái quát của văn bản.	cách phòng chữa bệnh theo cây thuốc dân tộc Thái; vệ sinh phòng dịch, rèn luyện thân thể, phòng bệnh, chữa bệnh, phòng tránh xa ma tuý, phòng chống bệnh HIV/AIDS,... - Giáo dục: Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc bảo tồn ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số; tấm gương học tập; gương các nhà giáo tiêu biểu người Thái,... - Thiên nhiên, môi trường: Mùa, thời tiết, khí hậu, núi, rừng, nương, suối, sông, biển, chim rừng, thú rừng, vật nuôi cây trồng, bảo vệ tài nguyên, môi trường (theo tập tục và theo pháp luật),... **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học. - Các từ vay mượn của tiếng dân tộc khác về các chủ đề, chủ điểm. - Từ đồng âm khác nghĩa, từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Hiểu và phân tích được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với chủ đề đã học. - Nêu được ấn tượng chung về văn bản; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân qua nội dung các văn bản. - Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố như không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật chính. - Nhận biết và cảm nhận được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Nhận biết được các từ vay mượn. - Nhận xét và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và biện pháp tu từ. - Biết rút ra bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân qua nội dung văn bản. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống, giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. - Cảm nghĩ của bản thân qua các tấm gương người thật việc thật.	bản,... thuộc các chủ điểm, chủ điểm. - Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết. 3. Từ điển: Cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác. 4. Viết đoạn văn ngắn theo chủ đề đã học. **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống; học tập những điều hay, lẽ phải; lòng biết ơn; có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường,... 2. Bảo tồn và giữ gìn một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của Người Thái,... 3. Bài trừ một số hủ tục lạc hậu, không lành mạnh. **III. NGỮ LIỆU** **1.Văn bản về chủ đề:** người Thái ơn Đảng, Bác Hồ; chăm sóc sức khỏe; giáo dục.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
6. Kiến thức văn hóa - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái; cách ứng xử trong cuộc sống,... - Học tập được những điều hay, lẽ phải qua các chủ đề đã học. - Biết thể hiện lòng biết ơn đối với Đảng, Bác Hồ bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và môi trường thông qua một số việc làm cụ thể,... - Hiểu được giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung.	- Truyện ngắn, đoạn, bài văn... - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố về chủ đề... - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 250 – 300 chữ, văn bản thơ khoảng 100 – 130 chữ **2. Gợi ý chọn văn bản:** xem danh mục gợi ý.

Trình độ B. Năm học thứ 10

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện,... - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình,... - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 20 văn bản văn học, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ đề** - Văn hoá dân tộc Thái: giới thiệu những nét khái quát về dân tộc Thái; việc bảo tồn, phát triển và giữ gìn phong tục tập quán dân tộc Thái; truyền thống văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán, xây dựng nếp sống mới; văn hóa giao

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. **3. Viết** - Viết đoạn văn kể chuyện, thuật việc đơn giản, chỉ dẫn, thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền),... những nội dung thuộc chủ điểm. - Viết bản tin, thông báo, đoạn văn thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) về bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết dân tộc Thái, vận động trẻ em đến trường, gương về người giáo viên, gương học sinh học tốt; bảo vệ sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh, nghề truyền thống, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng,... - Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn. - Viết được một văn bản nghị luận về: văn hóa truyền thống của dân tộc Thái, cây thuốc quý, về bảo vệ sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh, nghề truyền thống, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng,… - Viết đoạn văn ngắn tuyên truyền giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phong tục tập quán, các lễ hội của dân tộc Thái; giới thiệu về văn hóa dân tộc; nghề truyền thống, bảo quản nông sản,... - Bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo; bài tả phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể	tiếp (giao tiếp thông thường, nghi thức giao tiếp, giao tiếp vai về trong gia đình, thói quen ăn uống,...); kiến trúc nhà sàn; cách bài trí trong nhà theo phong tục của người Thái,… - Chăm sóc sức khỏe: các dược liệu truyền thống trong dân gian và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền; khám chữa bệnh tại trạm y tế, bệnh viện (Người bệnh mang ơn thầy thuốc, người thầy thuốc như mẹ hiền); phòng chống ma túy,… - Khoa học và giáo dục: truyền thống hiếu học; giáo dục thế hệ trẻ; đưa khoa học vào đời sống; bài trừ mê tín, dị đoan… - Lao động sản xuất: truyền thống lao động cần cù; chuyển đổi cơ cấu cấu vật nuôi cây trồng; phát triển sản xuất; phát triển nghề truyền thống; gương làm ăn kinh tế,… **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Mở rộng vốn từ về chủ điểm: văn hóa dân tộc Thái; chăm sóc sức khỏe; khoa học giáo dục và

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện,... **3. Nói** - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Hỏi đáp về văn hoá dân tộc Thái; nói lời khen, chê; giới thiệu về những nét văn hóa dân tộc Thái; giới thiệu phong tục tập quán, kiến trúc nhà sàn, cách bài trí trong nhà,... - Nói lời chỉ dẫn về bài trừ những hủ tục lạc hậu ở địa phương. - Hỏi đáp về bệnh tật và khám chữa bệnh. Nói lời chỉ dẫn phòng và chữa bệnh, lời chỉ dẫn dùng thuốc, lời chỉ dẫn trồng cây thuốc dân gian,... - Hỏi đáp về việc học tập ở địa phương. - Hỏi đáp về giá cả; nói lời chỉ dẫn về trồng trọt, chăn nuôi, làm nghề truyền thống, làm kinh tế gia đình, bảo quản nông sản; giới thiệu về những điển hình tiên tiến trong lao động ở địa phương,... **4. Nghe** - Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ. **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm	lao động sản xuất,... - Lỗi dùng từ và cách sửa (lỗi về nghĩa của từ, về phong cách). **3. Kiểu văn bản và thể loại** - Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyển nội dung từ một truyện tranh,... - Văn bản biểu cảm: thơ, ca dao, đồng dao, ngụ ngôn,... - Văn bản nghị luận: giới thiệu về văn hóa dân tộc Thái; chăm sóc sức khỏe; khoa học giáo dục và lao động sản xuất,... - Văn bản thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về việc bảo tồn văn hóa, chăm sóc sức khỏe, lao động sản xuất và bảo tồn ngôn ngữ chữ viết, phong trào học tập,... 4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Hiểu biết về truyền thống văn hóa, việc bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc Thái; hiểu biết các lễ hội, phong tục tập quán, xây dựng nếp sống mới; văn hóa giao tiếp (giao tiếp thông thường, giao tiếp sang trọng, giao tiếp vai vế trong gia đình, thói quen ăn uống,...); kiến trúc nhà Sàn, bài trí trong nhà theo phong tục,... - Bước đầu hiểu biết về vấn đề bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; các dược liệu truyền thống trong dân gian và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền, phòng chống ma túy,... - Biết được một số gương truyền thống hiếu học của dân tộc Thái; biết đưa khoa học vào đời sống; bài trừ mê tín, dị đoan; gương lao động cần cù; kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu cấu vật nuôi cây trồng, phát triển sản xuất; phát triển nghề truyền thống; gương làm ăn kinh tế,... **6. Kiến thức văn hóa** - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái gắn với các chủ đề. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. - Có ý thức bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng và ngôn	**II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái về các chủ đề. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. - Có ý thức bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái, các lễ hội truyền thống, ngôi nhà sàn và thiết kế bài trí trong ngôi nhà, cây dược liệu quý của dân tộc. **III. NGỮ LIỆU** 1. Văn bản văn học - Thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn,... - Tục ngữ, thành ngữ, câu đố, dân ca, truyện

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
ngữ các dân tộc thiểu số nói chung; Yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái, các lễ hội truyền thống, ngôi nhà sàn và thiết kế bào trí trong ngôi nhà, cây dược liệu quý của dân tộc	thơ, đồng dao, lời răn dạy,… 2. Văn bản nghị luận xã hội. 3. Văn bản thông tin. 4. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ B. Năm học thứ 11

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Luyện đọc, đọc để hiểu nội dung trả lời câu hỏi và tóm tắt bài khoá. - Phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện. - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 20 văn bản văn học, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. **2. Viết** - Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khoá ngắn có trong bài học. - Viết đoạn văn kể chuyện, thuật việc đơn giản, chỉ dẫn, thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) những nội dung thuộc chủ điểm.	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ đề** - Bản sắc văn hoá dân tộc Thái: giới thiệu không gian văn hóa của dân tộc Thái; lễ nghi, phong tục, luật tục (lễ cúng nhà, cúng bản, cúng mường, lễ cầu mưa, lễ hội hoa ban, lễ ăn cơm mới, lễ gội đầu…), phong tục tập quán (phong tục cưới xin, phong tục ma chay...); nghệ nhân dân tộc Thái (nhà văn tiêu biểu người dân tộc Thái, nghệ nhân chế tác nhạc cụ dân tộc, nghệ nhân hát ...),... - Truyền thống lịch sử: truyền thống anh hùng của người Thái; gương anh hùng

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Viết bản tin, thông báo, đoạn văn thuyết minh, giới thiệu bản sắc văn hóa của dân tộc Thái (lễ nghi, phong tục, luật tục (lễ cúng nhà, cúng bản, cúng mường; lễ cầu mưa, lễ hội hoa ban, lễ ăn cơm mới, lễ gội đầu…); phong tục tập quán (phong tục cưới xin; phong tục ma chay...); nghệ nhân dân tộc Thái (nhà văn tiêu biểu người dân tộc Thái, nghệ nhân chế tác nhạc cụ dân tộc, nghệ nhân hát,...),… - Viết được bản tin, bản thông báo, đoạn văn thuyết minh, giới thiệu, tuyên truyền về truyền thống anh hùng của người Thái; gương anh hùng dân tộc Thái; các di tích lịch sử,... - Viết được một văn bản nghị luận về: bản sắc văn hóa dân tộc; truyền thống lịch sử; danh lam thắng cảnh, đất nước, con người,… - Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn. - Bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo; bài tả phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện,... **3. Nói** - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Hỏi đáp về văn hoá dân tộc Thái; nói lời khen, chê; nói lời giới thiệu về bản	dân tộc Thái; các di tích lịch sử,... - Danh lam thắng cảnh của bản mường dân tộc Thái: giới thiệu danh lam thắng cảnh, bảo tồn, giữ gìn và phát triển du lịch các khu danh lam thắng cảnh,... - Đất nước, con người: nước Việt Nam và các nước láng giềng, các dân tộc anh em, đoàn kết dân tộc, các anh hùng dân tộc,… **2. Từ vựng, ngữ pháp** - Mở rộng vốn từ về chủ điểm: bản sắc văn hóa dân tộc; truyền thống lịch sử; danh lam thắng cảnh, đất nước, con người,… - Lỗi về cấu tạo câu (cấu tạo ngữ pháp, câu thiếu thông tin, dấu câu, phong cách). **3. Kiểu văn bản và thể loại** - Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyển nội dung từ một truyện tranh,...

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
sắc văn hóa dân tộc Thái, giới thiệu các nghi lễ truyền thống, ca ngợi các nghệ nhân tiêu biểu trong chế tác nhạc cụ, nghệ nhân hát dân ca,... - Nói lời chỉ dẫn về bài trừ những hủ tục lạc hậu ở địa phương. - Giới thiệu được truyền thống lịch sử của dân tộc Thái, giới thiệu được các di tích lịch sử của địa phương, ca ngợi các anh hùng dân tộc Thái tiêu biểu,... - Ca ngợi danh lam thắng cảnh của địa phương, giới thiệu nét đẹp và phát triển kinh tế thông qua du lịch cộng đồng ở địa phương,... - Ca ngợi đất nước Việt Nam, nêu được mối quan hệ với các nước láng giềng, các dân tộc anh em. **4. Nghe** - Nghe hiểu câu hỏi, lời yêu cầu, lời hướng dẫn, lời kể của người đối thoại. - Nghe hiểu nội dung đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn, bài văn ngắn. - Nghe hiểu và nhớ câu chuyện có nội dung đơn giản do thầy cô kể. - Nghe viết chính tả, nghe điền từ vào chỗ trống, nghe sắp xếp lại trình tự của câu,... - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Củng cố và khắc sâu cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học (các âm không có trong tiếng iệt, các chữ cái biến thể).	- Văn bản biểu cảm: thơ, ca dao, đồng dao, ngụ ngôn,… - Văn bản nghị luận: giới thiệu về văn hóa dân tộc Thái, di tích lịch sử, anh hùng dân tộc Thái, danh lam thắng cảnh, Việt Nam đất nước con người và các nước láng giềng,… - Văn bản thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về việc bảo tồn văn hóa, giới thiệu về văn hóa dân tộc Thái, di tích lịch sử, anh hùng dân tộc Thái, danh lam thắng cảnh, Việt Nam đất nước con người và các nước láng giềng,… 4. **Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ**: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,... **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống; học tập những điều hay, lẽ phải;

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Hiểu được một số thành ngữ, tục ngữ, đồng dao, ca dao nói về văn hóa dân tộc, bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, Việt Nam đất nước con người,... - Hiểu và sưu tầm được một số nét văn hóa, nghệ thuật (văn hoá nghệ thuật chung và văn hoá nghệ thuật Thái). - Biết ơn công lao của anh hùng dân tộc Thái hy sinh bảo vệ bản mường, biết thêm về các di tích lịch sử ở địa phương mình; biết được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao,...nói về chủ điểm. - Biết các địa danh có danh lam thắng cảnh giúp cho việc phát triển du lịch công đồng. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm - Có hiểu biết về đất nước Việt Nam, mối quan hệ với các nước láng giềng và các dân tộc anh em. **6. Kiến thức văn hóa** - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái về các chủ đề. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. - Hiểu các đặc trưng văn hóa truyền thống (giao tiếp, thói quen ăn uống, ở, mặc, sinh hoạt, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán của người Thái).	lòng biết ơn; có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường,... 2. Bảo tồn và giữ gìn một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của Người Thái. 3. Bài trừ một số hủ tục lạc hậu, không lành mạnh. **III. NGỮ LIỆU** 1. Văn bản về chủ đề: Bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống lịch sử, danh lam thắng cảnh, đất nước con người,... - Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả,... - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố,... - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100-150 chữ, văn bản thơ khoảng 30-50 chữ. 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Trình độ B. Năm học thứ 12

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc - Luyện đọc, và trả lời câu hỏi, tóm tắt bài khoá. - Phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, cốt chuyện, người kể chuyện. - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 20 văn bản văn học, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. **2. Viết** - Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khoá ngắn có trong bài học. - Viết đoạn văn kể chuyện, thuật việc đơn giản, chỉ dẫn, thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) những nội dung thuộc chủ điểm. - Viết tóm tắt được mẩu truyện, một số tác phẩm tiêu biểu trong văn học dân gian dân tộc Thái. - Viết được bản tin, bản thông báo, đoạn văn thuyết minh, giới thiệu, tuyên truyền về bảo vệ và giữ gìn an ninh ở bản, ở vùng biên giới,... - Viết được văn bản có nội dung tuyên truyền thực hiện đường lối của Đảng,	**I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI** **1. Có kiến thức cơ bản về các chủ đề:** - Giới thiệu và phân tích một số tác phẩm văn học dân gian của dân tộc Thái: truyện thơ; thần thoại, truyện cổ tích,… - Truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái: thủ đoạn chia rẽ dân tộc và phá hoại hoà bình của những kẻ thù địch; bảo vệ biên cương; giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng người Thái; những gương tốt người Thái bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh bản làng, quê hương,... - Chính sách và pháp luật: Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc; các quyền cơ bản và nghĩa vụ công dân; một số vấn đề về pháp luật; người Thái sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật,... **2. Từ vựng, ngữ pháp**

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
chính sách, pháp luật của Nhà nước. - Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn. - Bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo; bài tả phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện,... **3. Nói** - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Hỏi đáp về văn hoá dân tộc Thái; nói lời khen, chê; nói lời giới thiệu về bản sắc văn hóa dân tộc Thái, giới thiệu các nghi lễ truyền thống, ca ngợi các nghệ nhân tiêu biểu trong chế tác nhạc cụ, nghệ nhân hát dân ca,... - Kể tóm tắt được những mẩu truyện đã nghe đã đọc. - Giới thiệu được truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái. - Biết dùng lời lẽ có tính thuyết phục để tuyên truyền thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước. **4. Nghe** - Hiểu được nội dung khi nghe tóm tắt một số thể loại văn học dân gian dân tộc Thái.	- Mở rộng vốn từ theo chủ đề, chủ điểm. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, đồng dao, chuyện kể,... theo chủ đề. - Liên kết các đoạn văn. - Lỗi về câu; liên kết đoạn văn và văn bản: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa. - Bài văn kể chuyện, thuật việc đơn giản. **3. Kiểu văn bản và thể loại** - Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyển nội dung từ một truyện tranh,... - Văn bản biểu cảm: thơ, ca dao, đồng dao, ngụ ngôn,... - Văn bản nghị luận: giới thiệu về một số tác phẩm văn học tiêu biểu của dân tộc Thái. Truyền thống yêu nước, bảo vệ bản mường, bảo vệ biên cương. Tuyên truyền người dân thực hiện tốt đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước,… - Văn bản thông tin: cách trình bày các ý

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Nhớ tên tác giả, tác phẩm và các thể loại tiêu biểu của văn học Thái. - Hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật các tác phẩm văn học dân gian, văn học hiện đại tiêu biểu của người Thái. - Nghe - kể lại mẩu chuyện hoặc bản tin phù hợp với chủ đề. - Nghe hiểu bản tin hoặc văn bản phổ biến chính sách pháp luật có nội dung phù hợp với trình độ nhận thức của lứa tuổi. - Nghe hiểu và ghi nhớ nội dung các bài thơ, bài văn, câu chuyện đã học, đã đọc; nhận xét được về nhân vật và sự kiện,... - Nghe và nhận diện thái độ, cảm xúc trong giao tiếp (thông qua lời lẽ, ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt),... - Nghe hiểu và ghi nhớ nội dung các tục ngữ, thành ngữ, bài thơ, bài văn, câu chuyện đã học, đã đọc; nhận xét được về nhân vật và sự kiện,... - Nghe viết bài chính tả, nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại trật tự các câu thơ,... - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. **5. Kiến thức Tiếng Thái** - Có kiến thức về một số thể loại văn học dân gian tiêu biểu của dân tộc Thái: Truyện thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười; lời nói có vần (đồng dao, ca dao, dân ca, thành ngữ, tục ngữ, câu đố); sử thi; luật tục,…	tưởng và thông tin trong văn bản; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về việc giới thiệu về một số tác phẩm văn học tiêu biểu của dân tộc Thái; truyền thống yêu nước, bảo vệ bản mường, bảo vệ biên cương; tuyên truyền người dân thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước,… **4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ:** hình ảnh, số liệu, biểu đồ,... **II. KIẾN THỨC VĂN HÓA** 1. Đề tài, chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **III. NGỮ LIỆU**

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Biết được truyền thống yêu nước, bảo vệ bản mường, bảo vệ biên cương của dân tộc Thái, thông qua tục ngữ, thành ngữ, bài thơ, bài văn phù hợp với chủ đề chủ điểm. - Người dân tộc Thái giữ gìn an ninh ở bản mường theo luật tục và theo pháp luật của Nhà nước. **6. Kiến thức văn hóa** - Hiểu biết văn hóa, văn học dân gian và văn học hiện đại của dân tộc Thái. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. - Hiểu các đặc trưng văn hóa truyền thống (giao tiếp, thói quen ăn uống, ở, mặc, sinh hoạt, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán của người Thái).	1. Văn bản về chủ đề: truyền thống yêu nước, bảo vệ bản mường, bảo vệ biên cương. Tuyên truyền người dân thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước,... - Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả,... - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố,... - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100-150 chữ, văn bản thơ khoảng 30-50 chữ. 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Chương trình môn Tiếng Thái vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là dạy học tích hợp và phân hóa; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh.

Căn cứ vào chương trình, giáo viên chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:

a) Thực hiện yêu cầu tích hợp nội môn (cả kiến thức và kĩ năng), tích hợp liên môn và tích hợp những nội dung giáo dục ưu tiên (xuyên môn); thực hiện dạy học phân hóa theo đối tượng học sinh ở tất cả các cấp và phân hóa góp phần định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông.

b) Rèn luyện cho học sinh phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm việc tiếp nhận và vận dụng kiến thức Tiếng Thái, văn hóa Thái thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các phương tiện dạy học, khắc phục tình trạng dạy theo kiểu đọc chép, phát triển tư duy, rèn luyện kĩ năng sử dụng các phương tiện cho học sinh.

c) Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh; dành nhiều thời gian cho học sinh nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập để học sinh biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

Ngoài ra tuỳ theo điều kiện dạy học cụ thể, người dạy nên phối hợp tổ chức dạy học trong lớp với tổ chức dạy học tại địa phương của học sinh (trong các đợt tham quan hoặc đi thực tế).

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Để góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung tại Chương trình tổng thể trong Chương trình giáo dục phổ thông, giáo viên lựa chọn những phương pháp giáo dục phù hợp với môn tiếng dân tộc và đối tượng học sinh; không chỉ thông qua những nội dung dạy học đa dạng, phong phú, giàu tính thẩm mĩ - nhân văn mà còn bằng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra, đánh giá trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản với việc chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn Tiếng Thái trực tiếp góp phần hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện chính sau đây:

- Biết yêu thiên nhiên, yêu đất nước với những biểu hiện phong phú trong cuộc sống cũng như trong văn hóa; yêu quý và tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp; giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá, các di tích lịch sử; có lí tưởng sống, có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc.

- Biết yêu tiếng nói, chữ viết và văn hóa của dân tộc Thái

- Biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

- Chăm đọc truyện, thơ, tục ngữ, thành ngữ, ca dao, đồng dao của dân tộc Thái; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

- Sống thật thà, ngay thẳng với bản thân và người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

- Biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả do công việc mình đã làm; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Môn Tiếng Thái góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung nêu tại Chương trình tổng thể trong Chương trình giáo dục phổ thông. Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung

dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản.

- Năng lực tự chủ và tự học:

Môn Tiếng Thái hình thành, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Đây là công cụ quan trọng để học sinh học các môn học khác và tự học. Học sinh biết tự tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết lưu trữ và xử lí thông tin bằng các hình thức phù hợp.

Thông qua đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn Tiếng Thái mang lại cho học sinh những trải nghiệm phong phú; góp phát triển được vốn sống cho học sinh; có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp, sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống. Môn Tiếng Thái cũng giúp học sinh có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

Môn Tiếng Thái là môn học góp phần hình thành, phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh đối với cộng đồng người dân tộc nơi mình sinh sống.

Qua môn Tiếng Thái, học sinh biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, kiểu văn bản và thể loại, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; biết tiếp nhận các kiểu văn bản và thể loại đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp.

Cũng qua môn Tiếng Thái, học sinh phát triển khả năng nhận biết, thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác; biết sống hoà hợp và hoá giải các mâu thuẫn; thiết lập và phát triển mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Tiếng Thái được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của văn bản, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn Tiếng Thái đề cao vai trò của học sinh với tư cách là người đọc tích cực, chủ động, không chỉ trong hoạt động tiếp nhận mà còn trong việc tạo nghĩa cho văn bản. Khi viết, học sinh cần phải bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng và triển khai ý tưởng một cách sáng tạo. Qua việc học môn Tiếng Thái, nhất là đọc và viết về văn học, học sinh có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới; suy nghĩ không theo lối mòn, biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phù hợp với tình huống, bối cảnh.

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

3.1. Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc Tiếng Thái trong nhà trường phổ thông là giúp học sinh biết đọc và tự đọc được văn bản bằng Tiếng Thái; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách học sinh.

Yêu cầu học sinh đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho học sinh tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin, thông điệp, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong văn bản; hướng dẫn học sinh liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân học sinh,... để hiểu sâu hơn giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở người đọc. Hướng dẫn và khích lệ học sinh chủ động, tự tin, phát huy vai trò "đồng sáng tạo" trong tiếp nhận tác phẩm; hứng thú tham gia kiến tạo nghĩa cho văn bản; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên chú ý giúp học sinh tự phát hiện thông điệp, ý nghĩa. Giáo viên có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của học sinh; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tuỳ vào đối tượng học sinh ở từng cấp học, lớp học và thể loại của văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, sử dụng câu hỏi,... tổ chức cho học sinh thảo luận về văn bản, trải nghiệm thực tế,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học sinh.

3.2. Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách học sinh. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Ở trình độ A1, dạy viết có hai yêu cầu: dạy kĩ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Dạy kĩ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

Ở trình độ A2 và trình độ B, giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về

tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,... Ở hai trình độ này, ngoài việc tiếp tục phương pháp phân tích mẫu các kiểu văn bản, giáo viên chú ý hướng dẫn kĩ thuật viết tích cực nhằm giúp học sinh vừa thành thạo kĩ năng tạo lập theo từng kiểu văn bản, vừa phát triển tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các văn bản thông thường, học sinh còn được rèn luyện tạo lập văn bản điện tử và văn bản đa phương thức.

Giáo viên sử dụng những kỹ thuật như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn học sinh hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học sinh thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học sinh cần thực hiện; yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, học sinh cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

Tùy từng giai đoạn học, đối tượng người học, giáo viên có thể hướng dẫn viết từ đơn giản và nâng cao dần theo cấp học, cụ thể:

- Tập viết, tập chép, nghe viết, điền từ vào chỗ trống,...

- Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

- Gạch nối hình với chữ, gạch nối cụm từ cột trái với cột phải để thành câu có nghĩa, đặt câu với các từ cho trước.

- Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.

- Dịch từ Tiếng Thái sang Tiếng Việt và từ Tiếng Việt sang Tiếng Thái.

- Viết được một văn bản nghị luận về: bản thân, gia đình; bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh của địa phương; giới thiệu công việc hằng ngày của bản thân hoặc của người thân trong gia đình; giới thiệu văn hóa ẩm thực, trang phục, trò chơi dân gian, các lễ hội của dân tộc Thái; đất nước, con người; văn hóa dân tộc; lao động sản xuất; khoa học và giáo dục; hướng dẫn chăm sóc sức khỏe; truyền thống yêu nước và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái; bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo; bài văn tả phong cảnh có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự vật, sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện,...

3.3. Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp học sinh có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học sinh.

Trong dạy nói, giáo viên hướng dẫn cho học sinh quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho học sinh thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học sinh cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kĩ năng nói nghe tương tác, giáo viên hướng dẫn học sinh biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kĩ năng nghe nói cho học sinh. Để tạo điều kiện cho mọi học sinh được thực hành nói, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học sinh nói cho

nhau nghe hoặc học sinh trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho học sinh thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Thái nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Thái là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học đã quy định trong chương trình.

3. Nội dung đánh giá

Trong môn Tiếng Thái, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá hoạt động đọc: Tập trung vào yêu cầu học sinh hiểu nội dung, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về mặt kiểu văn bản, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong văn bản; liên hệ, so sánh giữa các văn bản và giữa văn bản với đời sống.

Đánh giá hoạt động viết: Tập trung vào yêu cầu học sinh tạo lập các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...

Đánh giá hoạt động nói và nghe: Tập trung vào yêu cầu học sinh nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kĩ năng nghe, yêu cầu học sinh nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Đánh giá phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong môn Tiếng Thái tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét,...

4. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn Tiếng Thái thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, học sinh tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về học sinh, việc học sinh trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình làm bài kiểm tra, viết phân tích và phản hồi văn học, viết bài theo các chủ đề,...

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm cuối một giai đoạn học tập (cuối mỗi học kỳ và kết thúc một chương trình) do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu

hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong chương trình. Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp để đánh giá nói và nghe. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối mỗi giai đoạn, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu của học sinh.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy logic, những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. Học sinh cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Các thuật ngữ dùng trong chương trình Tiếng Thái thống nhất với các thuật ngữ dùng tại Chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Thiết bị dạy học và tài liệu tham khảo

Thiết bị dạy học là một điều kiện quan trọng đảm bảo tính khả thi của việc thực hiện chương trình. Thiết bị dạy học của môn Tiếng Thái là tủ sách tham khảo ở mỗi lớp, thư viện của mỗi trường. Trong tủ sách, thư viện có các kiểu loại văn bản Tiếng Thái như: báo, tác phẩm văn học (truyện, thơ, tục ngữ, thành ngữ, đồng dao, câu đố, kịch bản, sân khấu, ký, bài văn miêu tả, văn nghị luận, văn bản thông tin); một số tranh ảnh như chân dung các nhà thơ, nhà văn, các danh nhân văn hóa là người Thái hoặc dân tộc khác. Những trường có điều kiện nối mạng Internet, có máy tính, màn hình và máy chiếu (Projector); trang bị thêm một số phần mềm dạy học Tiếng Thái; các CD, video clip có nội dung giới thiệu các danh lam

thắng cảnh, di tích lịch sử của những địa phương có người Thái sinh sống; một số bộ phim hoạt hình, phim truyện được chuyển thể từ các tác phẩm văn học hoặc các đĩa CD, video clip ghi một số vở diễn từ các kịch bản văn học, các băng đĩa CD ghi bản nhạc được phổ từ các bài thơ đã học làm ngữ liệu dạy học hay một số văn bản đọc mở rộng, các cuộc giao lưu, nói chuyện của các nhà văn, nhà nghiên cứu về văn hóa Thái; các sách giáo khoa Tiếng Thái dạng in và dạng điện tử.

Việc cung cấp thiết bị dạy học tối thiểu cho học Tiếng Thái theo các quy định hiện hành.

3. Về biên soạn sách giáo khoa

Chương trình môn Tiếng Thái là chương trình được thực hiện thống nhất trong các trường học trên toàn quốc có dạy học Tiếng Thái cho học sinh. Căn cứ vào chương trình này, có thể có nhiều nhóm tác giả sẽ biên soạn những bộ sách giáo khoa Tiếng Thái khác nhau. Việc biên soạn sách giáo khoa và lựa chọn sách giáo khoa Tiếng Thái để dạy trong trường học tuân theo các quy định hiện hành.

4. Về giáo viên

Giáo viên là điều kiện hàng đầu quyết định chất lượng dạy học Tiếng Thái. Do đó khi thực hiện chương trình này, các giáo viên được phân công dạy môn Tiếng Thái phải đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định hiện hành.

Giáo viên được tạo điều kiện để tham gia các chương trình, khóa bồi dưỡng về dạy Tiếng Thái và được thụ hưởng các chế độ chính sách dành cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số theo quy định của Nhà nước.

5. Về tổ chức thực hiện chương trình tại trường phổ thông

Các trường học căn cứ vào chương trình, đội ngũ giáo viên để lập kế hoạch dạy học môn học Tiếng Thái cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Kế hoạch dạy học của trường phải được cơ quan quản lí giáo dục địa phương được phân cấp phê chuẩn mới được đưa vào thực hiện.

X. NGỮ LIỆU

1. Bảng chữ cái Tiếng Thái được sử dụng trong Chương trình

➢ **ຫ້ອ ໄຕ:** ມີ 24 ໂດຍ ໄຕ – ປັບ ເປັນ 2 ຫຼ່ ; ຫຼ່ ຕົ້ ແທ່ອ ຫຼ່ ຈຣ

TT	Tổ thấp		Tổ cao		Tương ứng chữ Việt
	Chữ Thái	Tên gọi	Chữ Thái	Tên gọi	
1	ບ	bo	ພ	bŏ	b
2	ຫ	co	ຄ	cŏ	c,k,q
3	ຢ	do	ຢ	dŏ	d, gi, r, j
4	ດ	đo	ຝ	đŏ	đ
5	ຫ	ho	ຫ	hŏ	h
6	ຫຼ	lo	ຈ	lŏ	l
7	ຫມ	mo	ມ	mŏ	m
8	ຫນ	no	ນ	nŏ	n
9	ປ	po	ຟ	pŏ	p
10	ຫັ	ngo	ຣ	ngŏ	ng, ngh
11	ຈ	xo	ຈ	xŏ	x, s
12	ຕ	to	ນ	tŏ	t
13	ຖ	tho	ຖ	thŏ	th

TT	Tổ thấp		Tổ cao		Tương ứng chữ Việt
	Chữ Thái	Tên gọi	Chữ Thái	Tên gọi	
14	ᦠᦴ	vo	ᦵ	vŏ	v
15	ᦠᦸ	pho	ᦠᦸ	phŏ	ph,f
16	ᦡᦸ	cho	ᦡᦸ	chŏ	ch, tr
17	ᦢᦸ	nho	ᦢᦸ	nhŏ	nh
18	ᦣᦸ	kho	ᦣᦸ	khŏ	kh
19	ᦲ	o	ᦲᦸ	ŏ	o
20	ᦣᦸ	Go	ᦣᦸ	gŏ	g (chữ Thái mới bổ sung)
21	ᦠᦸ	Ro	ᦠᦸ	Rŏ	r (chữ Thái mới bổ sung)
22	ᦣᦸ	khho	ᦣᦸ	khhŏ	kh (phát theo âm của Thái trắng)
23	ᦡᦸ	Tso	ᦡᦸ	Tsŏ	Tr (phát theo âm của Thái trắng)
24	ᦠᦸ	phho	ᦠᦸ	phhŏ	ph (phát theo âm của Thái trắng)

➢ ᦠᦸᦠᦸ ᦠᦸᦠᦸ: ᦠᦸ ᦠᦸᦠᦸ ᦠᦸᦠᦸ ᦠᦸᦠᦸ

TT	Nguyên âm	tên gọi	tương ứng chữ Việt	Vị trí của nguyên âm
1	ᦷᦁ	may ca	a	Đứng giữa nếu từ có 3 chữ cái, đứng sau nếu từ có 2 chữ cái

TT	Nguyên âm	tên gọi	tương ứng chữ Việt	Vị trí của nguyên âm
2		may cua	ua, uô	Đứng giữa nếu từ có 3 chữ cái, đứng sau nếu từ có 2 chữ cái
3		may o	o	Đứng giữa nếu từ có 3 chữ cái.
4		may cưa	ưa	Đứng trước phụ âm
5		may ke	e	Đứng trước phụ âm
6		may cay	ay	Đứng trước phụ âm *(Kết hợp trực tiếp với phụ âm thành từ)*
7		may kê	ê	Đứng trước phụ âm
8		may cơ	ơ, â	Đứng trước phụ âm
9		may cô	ô	Đứng trước phụ âm
10		may cau	au	Đứng trước phụ âm *(Kết hợp trực tiếp với phụ âm thành từ)*
11		may ki	i, y	Đứng trên phụ âm
12		may kia	ia, iê	Đứng trên phụ âm
13		may căm	ăm	Đứng trên phụ âm

TT	Nguyên âm	tên gọi	tương ứng chữ Việt	Vị trí của nguyên âm
14	◌ᩰ	may cư	ư	Đứng trên phụ âm
15	◌ᩱ	may khít	o	Đứng trên phụ âm *(Kết hợp trực tiếp với phụ âm thành từ)*
16	◌ᩲ	may cu	u	Đứng dưới phụ âm
17	◌ᩴ	may căn	ăn	Đứng sau phụ âm *(Kết hợp trực tiếp với phụ âm thành từ)*
18	◌᩵	may cau lọm	au	Bao lấy phụ âm *(Kết hợp trực tiếp với phụ âm thành từ)*
19	◌᩶	May căng		
	◌᩶	May căng	ăng	Đứng sau phụ âm *(Kết hợp trực tiếp với phụ âm thành từ)*
	◌᩶	may cắt	ăt	Đứng sau phụ âm *(Kết hợp trực tiếp với phụ âm thành từ)*
	◌᩶	May cắc,	ăc	Đứng sau phụ âm *(Kết hợp trực tiếp với phụ âm thành từ)*

➢ ***Một số ký tự đặc biệt :***

ᩲᩴ : Viết tắt chữ "người" = ᩲ᩵ᩴ

ᩲᩴ : Viết tắt chữ "một" = ᩲ᩵ᩴ

ᩲᩴ : ᩲ᩵ᩴ ᩲᩴ (Nhắc lại từ đã viết phía trước)

➢ ᩲ᩵ᩴ ᩲᩴ: ... ; ... (dấu thanh điệu một và dấu thanh điệu hai)

- [illegible] (...) [illegible] - dấu thanh điệu một: nếu đi theo phụ âm (tô) tổ thấp, thì tương đương với dấu sắc, nếu đi theo phụ âm (tô) tổ cao gần giống dấu huyền tiếng phổ thông (hay hạ giọng khi đọc).

- [illegible] (...) [illegible] - dấu thanh điệu hai: nếu đi theo phụ âm (tô) tổ thấp, thì tương đương với dấu hỏi, nếu đi theo phụ âm (tô) tổ cao gần giống dấu nặng tiếng phổ thông.

2. Về chọn ngữ liệu

Ngoài việc đảm bảo các tiêu chí đã nêu ở mục VI, ngữ liệu dạy học Tiếng Thái cần đảm bảo các yêu cầu sau:

a. Bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa văn bản văn học với văn bản nghị luận và văn bản thông tin đã nêu ở mục IV. Trong văn bản văn học, chú ý đảm bảo có đủ các thể loại truyện, thơ, ký, kịch bản; bên cạnh những văn bản thuộc về văn học của dân tộc Thái, cần có những văn bản văn học của một số dân tộc khác ở Việt Nam. Cần chọn một tỷ lệ thích đáng các văn bản có nội dung phản ánh cuộc sống hiện tại của đồng bào dân tộc Thái và đồng bào các dân tộc anh em ở Việt Nam.

Hạn chế hiện tượng một văn bản được sử dụng lặp lại ở nhiều trình độ.

b. Bảo đảm sự phù hợp của văn bản với yêu cầu phát triển và thời lượng học tập của chương trình. Độ khó của các văn bản được tăng dần qua từng trình độ. Thời gian để dạy một văn bản phải tương thích với độ dài và độ phức tạp của nó để bảo đảm giáo viên có thể giúp học sinh tiếp cận đầy đủ và sâu sắc văn bản, cho học sinh có cơ hội đọc trực tiếp và trọn vẹn văn bản được chọn học. Hạn chế việc dạy học trích đoạn, trừ trường hợp những tác phẩm văn học có dung lượng lớn như trường ca, tiểu thuyết.